

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **136** /GPMT-BQL ngày **31** tháng **12** năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Các loại dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor), dung dịch tẩy rửa và dung môi hữu cơ thải	20.000	03 05 03
2	Các loại axit thải khác	100	02 01 06
3	Các loại bazơ thải khác	100	02 02 02
4	Chất thải rắn có chứa thành phần nguy hại (bột thuốc, các sản phẩm trung gian không đạt tiêu chuẩn)	25.000	03 05 09
5	Bùn thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12.000	12 06 05
6	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	50	08 02 04
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	100	16 01 06
8	Dầu thủy lực tổng hợp	50	17 01 06
9	Bao bì mềm thải	75.000	18 01 01
10	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composite,...)	8.000	18 01 04
11	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	500	18 02 01
12	Pin thải	50	19 06 01
13	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử	50	19 02 05
14	Dược phẩm gây độc tế bào	200	13 01 03
	Tổng	141.200	

CH